TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2023/KDTM-PT
Ngày 10 – 10 – 2023
V/v tranh chấp HĐ vận chuyển

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung.

Ông Nguyễn Trọng Quế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm, 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2023/TLPT-KDTM ngày 05 tháng 9 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vận chuyển"

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2023/KDTM-ST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2023/QĐXX-PT ngày 11 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH MEKONG O.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 17-19, đường Hoàng Diệu, phường 13, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Trần Văn P – Chức vụ: Giám đốc (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn D thuộc Công ty Luật TNHH MTV Kinh Luân thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Địa chỉ: Số 11L-12L Khu Miếu nổi Phường 3 quận 4 thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH MTV KDCBTS XNK H.

Địa chỉ trụ sở chính: Đường s, khu d, khóm 3, phường 9, thành phố C, tỉnh C ..

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Hồng N – Chức vụ: Chủ tịch kiêm giám đốc (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Thế A1 và Luật sư Đỗ Ngọc A2 – Là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Lô-dơ-by, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

Địa chỉ: P208 tầng 2, tòa nhà N04B1, Dự án khu đô thị mới Dịch Vọng, Dịch Vọng, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Bà Tăng Nguyễn Như Q, sinh năm 1991 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Đường s, khu d, khóm 3, phường 9, thành phố C, tỉnh C ..

Người kháng cáo: Công ty TNHH MTV KDCBTS XNK H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/7/2022 của nguyên đơn và lời trình bày của đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Văn P trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Ngày 01/4/2020, Công ty TNHH MEKONG O (gọi tắt là Công ty O) có ký hợp đồng vận chuyển số 07/2020 với Công ty TNHH MTV Kinh doanh chế biến thủy sản Xuất nhập khẩu H (Gọi tắt là Công ty H) do bà Tăng Nguyễn Như Q làm Giám đốc. Nội dung hợp đồng là Công ty O nhận vận chuyển hàng hóa xuất khẩu cho Công ty Hui Feng. Công ty H thanh toán đầy đủ cước phí vận chuyển cho Công ty O. Đến ngày 31/03/2021, Công ty O gửi bản đối chiếu công nợ cho Công ty H nhưng bà Q không ký do bà Q nói đợi chuyển giao cổ phần cho chủ sở hữu mới. Theo đó, Công nợ tính đến ngày 31/3/2021, Công ty H còn nợ lại Công ty O số tiền là 1.405.235.214 đồng. Trong đó, gồm 02 khoản nợ, cụ thể:

- Khoản 1: Tiền cước phí vận chuyển: 730.403.032 đồng.

- Khoản 2: Tiền lưu kho bảo quản hàng hóa do lô hàng bị lỗi khách hàng Trung Quốc trả về là 674.832.182 đồng.

Đối với số tiền cước phí vận chuyển 730.403.032 đồng Công ty O đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng gửi Công ty H.

Đối với số tiền 674.832.182 đồng, khi lô hàng của Công ty H bị khách hàng Trung Quốc trả về bà Tăng Nguyễn Như Q có điện thoại trao đổi với Công ty O nhờ Công ty đứng ra làm thủ tục và tạm ứng chi phí thanh toán các khoản: Lưu Containner, lưu bãi, chạy điện, cước tàu và phụ phí đối với lô hàng này, cụ thể:

- Chi phí làm dịch vụ hải quan, lưu cont tại bãi, phí địa phương số tiền là 8.827.00 USD tương đương với 204.168.510 tiền Việt Nam đồng.

- Phí lưu cont của hãng tàu CMA-CGM, phí cấm điện bên Trung Quốc số tiền là 329.302.099 đồng.

- Phí chạy điện nâng cont số tiền 61.742.000 đồng.

- Phí gia hạn thời gian giao cont hàng số tiền 28.686.931 đồng.

- Phí gia hạn thời gian giao cont hàng số tiền 15.791.195 đồng.

- Phí gia hạn thời gian giao cont hàng số tiền 3041.447 đồng.

- Phí kéo cont từ cảng Cát Lái về kho Hui Feng số tiền 12.100.000 đồng.

- Phí làm thủ tục hải quan hàng nhập khẩu, kiểm dịch, kiểm hóa tại cảng số tiền 20.000.000 đồng. Số hàng này có số vận đơn là AACL, chuyến tàu X-Press Khyber V.0AR02N1NC, số cont/seal là BMOU9711486/P4464266, ngày nhập cảng Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh là ngày 17/02/2021.

Bà Q cam kết sẽ thanh toán lại cho Công ty O, nhưng sau khi Containner hàng nhập kho Công ty H, dưới sự giám sát của thủ kho Công ty H là anh Hà Thanh Lộc thì bà Q không thực hiện như cam kết, không thanh toán số tiền 674.832.182 đồng cho Công ty O. Ngày 22/3/2022 Công ty O có làm đơn trình báo đến Phòng an ninh Kinh tế Công an tỉnh Cà Mau trình báo nội dung sự việc và có nêu rõ việc Công ty H còn nợ Công ty O hai khoản tiền nêu trên tổng cộng là 1.405.235.214 đồng. Đến ngày 29/6/2022 Phòng an ninh kinh tế Công an tỉnh Cà Mau có công văn số 65/ANKT trả lời với nội dung xét thấy nội dung yêu cầu của Công ty O về việc yêu cầu Công ty H trả số tiền 1.405.235.214 đồng là có cơ sở. Sau đó, Công ty O biết được bà Tăng Nguyễn Như Q chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty H cho ông Vũ Hồng N. Do đó, Công ty O có liên hệ với ông Vũ Hồng N để yêu cầu thanh toán các khoản nợ trên nhưng ông N vẫn không thanh toán cho đến nay.

Tại đơn khởi kiện Công ty O yêu cầu Công ty H thanh toán số tiền cước phí vận chuyển là 730.403.032 đồng và lãi suất chậm trả là 10%/năm. Tuy nhiên Công ty O đã thanh toán cước phí vận chuyển số tiền là 730.403.032 đồng. Do đó, Công ty O xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền này, chỉ yêu cầu lãi suất chậm trả là 10%/năm kể từ ngày 31/3/2021 (là ngày hai bên chốt công nợ theo văn bản thỏa thuận ngày 22/12/2022 giữa Công ty O và Công ty H) đến ngày 31/12/2022 (Công ty H chuyển trả Công ty O số tiền 730.403.032 đồng là ngày 19/01/2023 nhưng Công ty O chỉ yêu cầu tính lãi đến ngày 31/12/2022) tổng cộng là 21 tháng với số tiền là 127.500.000 đồng và chi phí lưu kho, bãi và các chi phí khác đối với lô hàng bị trả về là 674.832.182 đồng và lãi suất 10%/năm. Đối với lô hàng bị trả về tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền là 674.832.182 đồng, nay chỉ yêu cầu Công ty H trả số tiền làm tròn là 642.000.000 đồng và lãi suất chậm trả là 10%/năm kể từ ngày 31/3/2021 là ngày hàng về kho của Công ty H đến ngày 19/7/2023 là 27 tháng 19 ngày làm tròn bằng số tiền 147.500.000 đồng. Tổng cộng nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 917.000.000 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên toà đại diện hợp pháp của bị đơn ông Vũ Hồng N trình bày:

Công ty TNHH MTV KDCBTS XNK H (gọi tắt là Công ty H). Trước đây Công ty do bà Tăng Nguyễn Như Q làm Chủ tịch kiêm giám đốc Công ty. Theo hợp đồng Công ty O nhận vận chuyển hàng Thủy sản đông lạnh xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc cho Công ty H. Trong đó, có lô hàng bị lỗi nên khách hàng Trung Quốc

trả về thì thời điểm này bà Q có nhờ Công ty O đứng ra làm các thủ tục và tạm ứng các chi phí để thanh toán các khoản chi phí phát sinh cho lô hàng bị trả về. Do đó, trong quá trình hợp tác thì Công ty H còn nợ lại Công ty O tiền cước phí vận chuyển là 730.403.032 đồng và số tiền lưu kho bảo quản hàng hóa đối với lô hàng bị trả về. Tuy nhiên, đến khoảng tháng 7/2022 thì bà Tăng Nguyễn Như Q bán lại tất cả cổ phần của Công ty H cho ông Vũ Hồng N. Sau đó, ông N có đăng ký thay đổi chủ sở hữu Công ty là Vũ Hồng N, tên công ty vẫn giữ nguyên là Công ty TNHH MTV KDCBTS XNK H, địa chỉ trụ sở chính là ở đường số 7, khu dân cư Minh Thắng, khóm 3, phường 9, thành phố Cà Mau. Công ty có văn phòng đại diện và nhà máy sản xuất hàng của Công ty TNHH MTV KDCBTS XNK H ở địa chỉ: Ấp Khúc Tréo A, xã Tân Phong, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Khi chuyển nhượng cổ phần ông Nhân và bà Q có làm hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 05/7/2022 và biên bản thỏa thuận ngày 05/7/2022. Tại biên bản thỏa thuận hai bên thống nhất đối với khoản nợ tiền cước phí vận chuyển là 730.403.032 đồng của Công ty O thì Công ty H có trách nhiệm trả. Đối với các khoản nợ phát sinh còn lại trong thời gian bà Q làm giám đốc thì bà Q sẽ trả trong đó có số tiền lưu kho bảo quản hàng hóa đối với lô hàng bị trả mà Công ty O đã trả là 674.832.182 đồng. Do đó, Công ty H chỉ có trách nhiệm trả cho Công ty O số tiền cước phí vận chuyển là 730.403.032 đồng, còn khoản nợ còn lại trước đây công ty đã thỏa thuận giao cho bà Tăng Nguyễn Như Q trả và Công ty cũng đã đưa tiền cho bà Q rồi nhưng bà Q vẫn chưa trả, đây là trách nhiệm của bà Q không phải trách nhiệm của Công ty H.

Tại phiên tòa, đại diện bị đơn ông Vũ Hồng N cho rằng quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã thanh toán cho Công ty O số tiền còn nợ đối với cước phí vận chuyển phát sinh từ hợp đồng vận chuyển hai bên đã ký kết là 730.403.032 đồng. Đây là tuân theo nội dung thỏa thuận tại biên bản thỏa thuận ngày 05/7/2022 giữa ông N và bà Q chứ ông không nắm được Công ty H có khoản nợ này không nên việc nguyên đơn yêu cầu lãi suất không có căn cứ nên không chấp nhận. Đối với số tiền 674.832.182 đồng đối với lô hàng bị trả về nguyên đơn yêu cầu thanh toán là ông không đồng ý, ông N cho rằng sau khi ông làm chủ sở hữu của Công ty H thì bà Q không có bàn giao khoản nợ này, nguyên đơn cũng không có chứng cứ xác thực chứng minh có khoản nợ này và ông cũng không rõ Công ty H có lô hàng nào bị lỗi trả về không. Đối với biên bản ghi ý kiến của ông ngày 12/01/2023 tại Tòa án thì ông có trình bày Công ty H có nợ Công ty O số tiền 674.832.182 đồng và đã đưa tiền cho bà Q trả cho O rồi là do ông biết việc Công ty O khởi kiện Công ty H và nghe Công ty O nói H có nợ O số tiền này chứ ông không biết việc H có lô hàng nào bị trả về và không biết gì về khoản nợ này. Đối với lời khai của ông Hà Thanh L là không có căn cứ bởi văn bản không được xác nhận chữ ký ông L ông cũng không rõ Công ty ông có người tên Hà Thanh L là thủ kho không. Việc ông trình bày tại biên bản ghi ý kiến của Tòa án cho rằng ông đã đưa số tiền 674.832.182 đồng cho bà Q trả cho Công ty O là do khi chuyển nhượng vốn ông đã đưa cho bà Q số tiền 4.500.000.000 đồng để mua toàn bộ vốn góp và phần nợ khi bà Q là chủ sở hữu Công ty trong đó có khoản nợ 674.832.182 đồng của Công ty O. Do đó, bị đơn không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 674.832.182 đồng và phần lãi suất do chậm thanh toán. Ngoài ra, bị đơn không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản ghi ý kiến của bà Tăng Nguyễn Như Q ngày 07/03/2023, bà Q trình bày:

Trước đây bà có làm người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV KDCBTS XNK H. Trong thời gian bà làm giám đốc của Công ty bà có ký hợp đồng vận chuyển số 07/2023 ngày 01/04/2020 với Công ty TNHH Mekong O. Trong thời gian này, có lô hàng bị lỗi nên khách hàng bên Trung Quốc trả về thì Công ty TNHH Mekong O có trách nhiệm vận chuyển lô hàng bị trả về cho Công ty H. Về chi phí phát sinh lô hàng vận chuyển bị trả về thì giữa bà và Công ty TNHH Mekong O không có đề cập thỏa thuận, Công ty TNHH Mekong O không có gởi xác nhận công nợ đối với chi phí phát sinh của lô hàng bị lỗi cho đến thời điểm bà chấm dứt không làm người đại diện cho Công ty H. Đối với biên bản thỏa thuận ngày 05/7/2022 giữa bà và ông Vũ Hồng N bà có ký tên tuy nhiên biên bản này cũng không đề cập đến số tiền lưu kho, bảo quản hàng hóa đối với lô hàng bị trả về là 674.832.182 đồng như yêu cầu của Công ty TNHH Mekong O. Do đó, bà không đồng ý chịu trách nhiệm đối với số tiền này. Số tiền này thuộc về trách nhiệm của Công ty H. Đồng thời, bà xin vắng tất cả phiên hòa giải và xét xử của Tòa án.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/KDTM-ST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MEKONG O buộc Công ty TNHH MTV KDCBTS XNK H trả số tiền còn nợ là 642.000.000 đồng và lãi suất là 275.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 917.000.000 đồng (*Chín trăm mười bảy triệu đồng*).

Kể từ ngày Công ty TNHH Mekong O có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, Công ty TNHH MTV KDCBTS XNK H phải thanh toán xong khoản tiền nêu trên, nếu không thì còn chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH MTV KDCBTS XNK H phải nộp 39.510.000 (chưa nộp); Nguyên đơn là Công ty TNHH MEKONG O không phải nộp, ngày 16/11/2022 đã dự nộp số tiền 29.889.000 đồng, theo biên lai thu số 0002480 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại toàn bộ khi án có hiệu lực.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 31/7/2023, Công ty Công ty TNHH MTV KDCBTS XNK H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, không buộc bị đơn thanh toán số tiền 971.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bị đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH MTV kinh doanh chế biến thủy sản xuất nhập khẩu H. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2023/KDTM-ST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét kháng cáo của Công ty TNHH MTV kinh doanh chế biến thủy sản xuất nhập khẩu H còn trong thời hạn luật định. Nội dung kháng cáo yêu cầu sửa bản án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Xét hợp đồng vận chuyển số 07/2020 ngày 01/4/2020, về hình thức, nội dung, chủ thể của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng có hiệu lực, các bên căn cứ thực hiện.

Thực tế hợp đồng vận chuyển số 07/2020 có lô hàng của Công ty H bị lỗi trả về và việc Công ty O tiến hành các thủ tục lưu kho, bãi đối với lô hàng này cho Công ty H là thực tế có xảy ra. Tại đơn trình báo gởi Phòng an ninh kinh tế Công an tỉnh Cà Mau về việc bà Q còn nợ 02 khoản tiền nêu trên tổng cộng là 1.405.235.214 đồng trong đó có nêu rõ số tiền 674.832.182 đồng, lô hàng bị trả về. Đến ngày 29/6/2022 Phòng an ninh kinh tế Công an tỉnh Cà Mau có công văn số 65/ANKT trả lời với nội dung: "Xét thấy nội dung yêu cầu của Công ty O về việc yêu cầu Công ty H trả số tiền 1.405.235.214 đồng là có cơ sở" (bút lục số 71). Tại biên bản ghi ý kiến của ông Vũ Hồng N ngày 12/01/2023 thì ông N cũng thừa nhận có lô hàng này và số nợ còn nợ Công ty O là 674.832.182 đồng, đồng thời ông cũng thừa nhận đã đưa số tiền này cho bà Q để thanh toán cho Công ty O (bút lục 137). Tại biên bản ghi ý kiến của bà Tăng Nguyễn Như Q ngày 07/3/2023 (bút lục 165) thì bà Q cũng thừa nhận quá trình thực hiện hợp đồng vận chuyển với Công ty O có lô hàng bị lỗi do khách hàng Trung Quốc trả về nhưng hai bên không có tiến hành đối chiếu công nợ bà không biết về số tiền này, trách nhiệm thanh toán là của Công ty H. Điều này cho thấy thực tế Công ty H có lô hàng bị trả về và thực tế Công ty O có đứng ra làm thủ tục lưu kho bãi cho Công ty H. Đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời quá trình giải quyết nguyên đơn đã nộp một số tài liệu chứng cứ hợp pháp chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó lời trình bày của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu số tiền 642.000.000 đồng, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa ông Vũ Hồng N không thừa nhận có lô hàng bị lỗi trả về nhưng tại biên bản ghi ý kiến ngày 12/01/2023 ông thừa nhận nghe nguyên đơn nói lại có khoản nợ này và khi chuyển nhượng vốn thì ông đã đưa cho bà Q số tiền 4.500.000.000 đồng để mua toàn bộ vốn góp chủ sở hữu Công ty H trong đó có

khoản nợ 674.832.182 đồng. Nguyên đơn xác định lô hàng này đã nhập lại vào kho của Công ty H ngày 31/3/2021, việc không xuất hóa đơn được, là do công ty H xin ý kiến. Lời trình bày của ông N khi nhận chuyển nhượng Công ty ông không biết nhân viên, bảng lương là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ ông có biết việc công ty H có lô hàng bị trả về và việc Công ty O có tiến hành các thủ tục lưu kho, bãi và các chi phí khác cho lô hàng này là thực tế có xảy ra và với tư cách là chủ sở hữu của Công ty H ông đã trình bày rõ tại biên bản ghi ý kiến ngày 12/01/2023 tại Tòa án. Đồng thời, việc chuyển nhượng vốn điều lệ và các khoản nợ giữa bà Q và ông N là tranh chấp nội bộ của Công ty H và Công ty H cũng không chứng minh được khi thực hiện việc thỏa thuận đối với khoản nợ này có sự đồng ý của các chủ nợ trong đó có Công ty O. Do đó, theo quy định của pháp luật thì Công ty mới phải có trách nhiệm kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty cũ. Trường hợp ông N cho rằng đã mua toàn bộ vốn góp và các khoản nợ trong thời gian bà Q làm chủ sở hữu của Công ty H nên trách nhiệm trả nợ là của bà Q. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án ông N không có đặt ra yêu cầu gì với bà Q và đây là một tranh chấp khác giữa ông N và bà Q nên trường hợp ông có yêu cầu thì khởi kiện thành vụ án khác. Từ đó, buộc Công ty TNHH MTV KDCBTS XNK H phải có trách nhiệm trả nợ cho Công ty TNHH MEKONG O số tiền 642.000.000**(1)** đồng là phù hợp.

[4] Xét yêu cầu tính lãi suất do chậm thanh toán đối với số tiền 642.000.000 đồng, nhận thấy: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 642.000.000 đồng nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả là phù hợp với điều 357 của Bộ luật dân sự, cụ thể nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 31/3/2021 đến ngày 19/7/2023 là 27 tháng 19 ngày, lãi suất 10%/năm với số tiền là 147.500.000 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn trình bày nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 31/3/2021 là ngày lô hàng về kho của Công ty H, theo lệnh giao hàng điện tử (bút lục 362) thể hiện lô hàng có số container BMOU9711486 và số vận đơn là AACL008926 hạn nhận Cont là ngày 30/3/2021. Vậy nguyên đơn trình bày ngày 31/3/2021 là ngày hàng về kho Công ty H là có căn cứ. Tại hợp đồng vận chuyển số 07/2020 được ký kết giữa hai bên quy định lãi suất trong trường hợp chậm thanh toán thì tính theo lãi suất của Ngân hàng TMCP Á Châu tại thời điểm thanh toán chậm. Tuy nhiên, nguyên đơn xác định yêu cầu tính lãi 10%/năm theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự. Xét thấy có lợi cho bị đơn nên chấp nhận. Do đó, buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi cho nguyên đơn tính từ ngày 31/3/2021 đến ngày 19/7/2023 là 642.000.000 x 10%/năm x 27 tháng 19 ngày = 147.800.558 đồng, tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu số tiền làm tròn là 147.500.000 đồng **(2)** là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Xét yêu cầu thanh toán tiền lãi đối với khoản tiền cước phí vận chuyển 730.403.032 đồng, nhận thấy: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán phần lãi suất chậm trả là 10%/năm kể từ ngày 31/3/2021 đến ngày 31/12/2022 là 21 tháng với số tiền làm tròn là 127.500.000 đồng. Xuất phát từ hợp đồng vận chuyển được ký kết giữa hai bên đã được ông Nhân thừa nhận tại biên bản ghi ý kiến ngày 05/7/2022 và tại biên bản thỏa thuận ngày 05/7/2022 giữa ông N và bà Q cũng có đề cập đến khoản nợ này. Được tính lãi tính từ ngày 31/3/2021 đến ngày 31/12/2022 là 21 tháng, xét thấy yêu cầu này có lợi cho bị đơn nên chấp nhận. Do đó, buộc bị đơn trả cho nguyên

đơn số tiền lãi cụ thể là 730.403.032 x 10%/năm x 21 tháng = 127.798.618 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu số tiền làm tròn là 127.500.000 đồng **(3)** xét thấy có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Từ (1), (2), (3) buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 642.000.000 đồng + 147.500.000 đồng + 127.500.000 đồng = 917.000.000 đồng (*Chín trăm mười bảy triệu đồng*) là có căn cứ.

Từ các phân tích trên, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Tại phiên tòa Phúc thẩm người kháng cáo không đưa ra tài liệu chứng cứ nào mới, để làm căn cứ kháng cáo và cũng như các phân tích trên, cho nên không chấp nhận kháng cáo.

Ý kiến phát biểu của đại viện Viện Kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Không chấp kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị này là phù hợp với các phân tích trên.

Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu 39.510.000 đồng.

Án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bị đơn phải chịu 2.000.000 đồng đã dự nộp được chuyển thu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH MTV KDCBTS XNK H.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/KDTM-ST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MEKONG O buộc Công ty TNHH MTV KDCBTS XNK H trả số tiền còn nợ là 642.000.000 đồng và lãi suất là 275.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 917.000.000 đồng (*Chín trăm mười bảy triệu đồng*).

Kể từ ngày Công ty TNHH Mekong O có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, Công ty TNHH MTV KDCBTS XNK H phải thanh toán xong khoản tiền nêu trên, nếu không thì còn chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH MTV KDCBTS XNK H phải nộp 39.510.000 (chưa nộp); Nguyên đơn là Công ty TNHH MEKONG O không phải nộp, ngày 16/11/2022 đã dự nộp số tiền 29.889.000 đồng,

theo biên lai thu số 0002480 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại toàn bộ khi án có hiệu lực.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH MTV KDCBTS XNK H phải chịu 2.000.000 đồng. Ngày 31/7/2023 Công ty TNHH MTV KDCBTS XNK H đã dự nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 2.000.000 đồng lai số 0003803 tại chi cục thi hành dân sự thành phố Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Hùng Quang

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

Huỳnh Văn Yên